Biểu mẫu 10

Công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

UBND THÀNH PHỐ BẢO LỘC

TRƯỜNG THCS LỘC SƠN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế trường THCS Lộc Sơn năm học 2023 – 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**1201**	**374**	**300**	**238**	**289**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1088 90,59%	337 90.11%	271 90.33%	210 88.24%	270 93.43%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	112 9.33%	37 9.89%	28 9.33%	28 11.76%	19 6.57%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,88%	0%	01 0,33%	0%	0%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**1201**	**374**	**300**	**238**	**289**
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	515 42.9%	176 47.06%	120 40.00%	82 34.35%	137 47.4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	347 28.9%	114 30.48%	99 33.00%	59 24.79%	75 25.95%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	300 25.0%	71 18.98%	67 22.33%	85 35.71%	77 26.64%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	39 3.25%	13 3.48%	14 4.67%	12 5.04%	0 0%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0%	0	0	0	0
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**1201**	**374**	**300**	**238**	**289**
1	Lên lớp thẳng(tỷ lệ so với tổng số)	1162 96,75 %	361 96,52%	286 95,33%	226 94,96%	289 100%
a	HSXS(tỷ lệ so với tổng số)-K6;7;8	130 14,3%				
b	HS giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	515 42,88%	176 47,06%	120 40.00%	82 34,35%	137 47,40%
c	HSTT(Khá)	176 31.04%	114 30.48%	99 33.00%	59 24.79%	75 25.95%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	39 3,25%	13 3,48%	14 4,67%	12 5,04%	0
3	Lưu ban tính cả sau thi lại (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Lên lớp sau thi lại					

5	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	7/9	1/4	2/2	2/0	2/3
6	Bị đuổi học(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	**Số HS đạt giải các kỳ thi HSG, cuộc thi**	**41**				**41**
1	Cấp huyện/thành phố	28				28
2	Cấp tỉnh/thành phố	13				13
3	Thi KHKT + Cấp Tp + Cấp Tỉnh	1 giải nhất 1giải nhất			1 1	
4	Thi Olimpic cấp TP	47 giải				
5	Thi HS với ý tưởng khởi nghiệp cấp TP	01 giải ba; 02 giải tư				
6	Tin học trẻ miền trung tây nguyên	01 giải nhất				
7	Sáng tạo thanh thiếu niên nhi đồng	01 khuyến khích				
V	**Số HS dự xét hoặc dự thi TN**	289				289
VI	**Số HS được công nhận TN**	289/289				289/289
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	47,4%				47,4%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	25,95%				25,95%
3	TB(Tỷ lệ so với tổng số)	26,64%				26,64%
VII	**Số học sinh nam/số HS nữ**	618/583	194/180	150/150	133/105	141/148
VIII	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	32	10	9	5	8